

Bản án số: 64/2023/HNGĐ-ST
Ngày 15-6-2023
“V/v Ly hôn giữa anh T và chị Q”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thơm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Minh Hằng và bà Trần Thị Mộng Lành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mau - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 15 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2023 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Võ Minh T, sinh năm 1986

Địa chỉ: Ấp R, xã T A, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt)

2. Bị đơn: Chị Phạm Kim Q, sinh năm 1986

Địa chỉ: Ấp R, xã T A, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án anh Võ Minh T trình bày như sau:

Anh Võ Văn T (gọi tắt anh T) và chị Phạm Kim Q (gọi tắt chị Q) chung sống với nhau vào năm 2019 hôn nhân tự nguyện được gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương và thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tây Yên A, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang vào ngày 04/9/2019.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống không có hạnh phúc do thường xảy ra cự cãi bất hòa, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Hơn nữa do điều kiện vợ chồng làm ở xa thường ít gặp nhau lâu ngày tình cảm phai nhạt và không ai có thiện chí hàn gắn hôn nhân. Hiện vợ chồng đã ly thân khoảng ba năm mỗi người đều có cuộc sống riêng không còn quan tâm tới nhau. Nay anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Q.

Về con chung: Anh T xác định vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Anh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa - bị đơn chị Phạm Kim Q vắng mặt và không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu xin ly hôn của anh Võ Minh T và không có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Trích lục kết hôn (bản sao); căn cước công dân + sổ hộ khẩu (Bản công chứng). Bị đơn không cung cấp chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Chị Q đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt chị Q.

[2] Về nội dung vụ án:

Quan hệ pháp luật: Anh T xin ly hôn với chị Q nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn”.

Anh T và chị Q chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tây Yên A, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo quy định của pháp luật, do đó hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh T, Hội đồng xét xử xét thấy: Qua lời trình bày của đương sự có cơ sở xác định đời sống hôn nhân của anh T và chị Q đã phát sinh

nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do trong thời gian chung sống tính tình vợ chồng không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung, do điều kiện sống xa nhau nên tình cảm vợ chồng phai nhạt. Đến nay anh chị đã sống ly thân khoảng ba năm và đều không muốn tiếp tục đời sống vợ chồng. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng chị Q không thể hiện thiện chí hàn gắn hôn nhân. Từ đó có cơ sở để nhận định mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của anh T, cho anh T được ly hôn với chị Q.

Về con chung: Các đương sự không có con chung nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 144 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc anh T là nguyên đơn chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 244 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Áp dụng vào khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Võ Minh T.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Võ Minh T và chị Phạm Kim Q.

2. Về con chung: Các đương sự không có con chung nên không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Võ Minh T có nghĩa vụ nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số

0003833 ngày 12/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Anh Võ Minh T đã nộp đủ án phí.

5. Bảo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 15/6/2023, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Tây Yên A;
- Lưu, HS, VP.

(Đã ký)

Đinh Thị Thơm